

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 56/2006/QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán Ngân hàng Nhà nước
ban hành theo Quyết định số 425/1998/QĐ-NHNN2 ngày 17/12/1998, Quyết định số 162/2002/QĐ-NHNN ngày 06/3/2002, Quyết định số 961/2002/QĐ-NHNN ngày 09/9/2002, Quyết định số 1579/2003/QĐ-NHNN ngày 01/12/2003, Quyết định số 1638/2003/QĐ-NHNN ngày 26/12/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Kế toán năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Được sự chấp thuận sửa đổi, bổ sung Hệ thống tài khoản Kế toán Ngân hàng Nhà nước tại Công văn số 14592/BTC-CĐKT ngày 21/11/2006 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 425/1998/QĐ-NHNN2 ngày 17/12/1998 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Tài khoản 2072 - Chuyển đổi ngoại tệ thanh toán với Tổ chức tín dụng ở nước ngoài.
2. Các tài khoản cấp 3 thuộc tài khoản 211 - Đầu tư vào các chứng khoán của nước ngoài.
 - Tài khoản 2111 "Chứng khoán của các Chính phủ"
 - Tài khoản 2112 "Chứng khoán của các Ngân hàng Trung ương"
 - Tài khoản 2113 "Chứng khoán của các Ngân hàng thương mại"
 - Tài khoản 2119 "Chứng khoán của các Tổ chức Quốc tế khác"
3. Các tài khoản cấp 3 thuộc tài khoản 212 - Tiền lãi cộng dồn trên các chứng khoán của nước ngoài
 - Tài khoản 2121 "Chứng khoán của các Chính phủ"
 - Tài khoản 2122 "Chứng khoán của các Ngân hàng Trung ương"
 - Tài khoản 2123 "Chứng khoán của các Ngân hàng thương mại"
 - Tài khoản 2129 "Chứng khoán của các tổ chức quốc tế khác"
4. Tài khoản 214 - Quyền rút vốn đặc biệt tại IMF
5. Tài khoản 215 - Tiền lãi cộng dồn trên quyền rút vốn đặc biệt tại IMF
6. Tài khoản 311 - Công cụ lao động đang dùng
7. Tài khoản 312 - Giá trị công cụ lao động đang dùng đã ghi vào chi phí
8. Tài khoản 467 - Kinh phí sự nghiệp
9. Tài khoản 489 - Chuyển đổi ngoại tệ thanh toán trong nước
10. Tài khoản 972 - Sử dụng tiền cung ứng theo các mục đích chỉ định và các tài khoản cấp 3 của tài khoản này
11. Tài khoản 991 - Kim loại quý, đá quý giữ hộ
12. Tài khoản 992 - Tài sản khác giữ hộ
13. Tài khoản 993 - Tài sản thuê ngoài

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung về quy định chung và nội dung hạch toán một số tài khoản trong Hệ thống Tài khoản kế toán Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Sửa đổi khoản 3, phần I "Những quy định chung", đoạn "Tài khoản chi tiết..... trong tài khoản tổng hợp" như sau:

Tài khoản chi tiết (tiểu khoản) dùng để theo dõi, phản ánh chi tiết đối tượng hạch toán của tài khoản tổng hợp. Việc mở tài khoản chi tiết được quy định tại phần nội dung hạch toán các tài khoản. *Ngoài ra, các đơn vị Ngân hàng Nhà nước được mở thêm tài khoản chi tiết theo yêu cầu quản lý nghiệp vụ khi cần thiết.*

Số hiệu tài khoản chi tiết gồm 2 phần:

- Phần thứ nhất: Số hiệu tài khoản tổng hợp và ký hiệu tiền tệ, gồm 6 chữ số;
- Phần thứ hai: Số thứ tự tài khoản chi tiết và các tham số thống kê nghiệp vụ cần quản lý trong tài khoản tổng hợp.

2. Sửa đổi khoản 6, phần I "Những quy định chung", đoạn "Khái niệm... áp dụng thống nhất như sau" như sau:

Khái niệm "Trong nước" và nước ngoài" quy định trong Hệ thống tài khoản kế toán Ngân hàng nhà nước này được hiểu theo khái niệm "người cư trú" và "người không cư trú" quy định tại Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13/12/2005.

3. Sửa đổi khoản 7, phần I "Những quy định chung" như sau:

Việc sử dụng tài khoản dự phòng giảm giá phải theo đúng quy định và chỉ được sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất khi có chủ trương của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. Sửa đổi nội dung hạch toán tài khoản 211 "đầu tư vào các chứng khoán của nước ngoài" như sau:

Tài khoản này chỉ mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Sở giao dịch), dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động các loại chứng khoán của nước ngoài phát hành do Ngân hàng Nhà nước đã đầu tư.

Hạch toán tài khoản này phải thực hiện theo các quy định sau:

- a) Mở tài khoản chi tiết để phản ánh mệnh giá, giá trị chiết khấu, giá trị phụ trội của chứng khoán đầu tư. Đồng thời mở sổ theo dõi chi tiết từng loại chứng khoán đã mua theo từng đối tác, mệnh giá, loại lãi suất, kỳ hạn... của chứng khoán.

Trong đó;

(i) Giá gốc chứng khoán (giá thực tế mua chứng khoán) bao gồm: Giá mua cộng (+) chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng (nếu có).

(ii) Giá trị chiết khấu là giá trị chênh lệch âm giữa giá gốc với tổng giá trị của các khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có, đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có, đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước).

Lãi nhận trước chờ phân bổ (áp dụng đối với chứng khoán được tổ chức phát hành theo phương thức chiết khấu): là phần lãi đã được tổ chức phát hành thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước tính trên cơ sở thời gian đầu tư, mệnh giá và mức lãi suất của chứng khoán.

(iii) Giá trị phụ trội là giá trị chênh lệch dương giữa giá gốc với tổng giá trị của các khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có, đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có, đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước).

- Tài khoản Mệnh giá chứng khoán đầu tư:

Bên Nợ ghi: - Mệnh giá chứng khoán đầu tư;

Bên Có ghi: - Tất toán mệnh giá chứng khoán đầu tư được bán ra hoặc khi đến hạn được bên phát hành thanh toán;

Số dư Nợ: - Tổng mệnh giá chứng khoán đầu tư Ngân hàng Nhà nước đang đầu tư, sở hữu.

- Tài khoản Chiết khấu chứng khoán đầu tư:

Bên Nợ ghi: - Phân bổ giá trị chiết khấu chứng khoán đầu tư trong kỳ;

- Tất toán giá trị chiết khấu chứng khoán (nếu có) khi bán trước hạn;

Bên Có ghi: - Giá trị chiết khấu chứng khoán đầu tư;

Số dư Có: - Tổng giá trị chiết khấu của chứng khoán đầu tư Ngân hàng Nhà nước đang đầu tư, sở hữu.

- Tài khoản Phụ trội chứng khoán đầu tư:

Bên Nợ ghi: - Giá trị phụ trội chứng khoán đầu tư;

Bên Có ghi: - Phân bổ giá trị phụ trội chứng khoán đầu tư trong kỳ;

- Tất toán giá trị phụ trội chứng khoán (nếu có) khi bán trước hạn;

Số dư Nợ: - Tổng giá trị phụ trội của chứng khoán đầu tư Ngân hàng Nhà nước đang đầu tư, sở hữu.

- Khi lên bảng cân đối kế toán, chứng khoán đầu tư được trình bày theo giá trị thuần = Mệnh giá chứng khoán (-) Giá trị chiết khấu (+) Giá trị phụ trội.

b) Trong điều kiện công nghệ tin học cho phép, tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực (lãi suất thực là tỷ lệ lãi dùng để quy đổi các khoản tiền sẽ nhận được trong tương lai trong suốt thời gian cho bên khác sử dụng tài sản về giá trị ghi nhận ban đầu tại thời điểm chuyển giao tài sản cho bên sử dụng). Trường hợp không thể thực hiện tính lãi trên cơ sở lãi suất thực thì giá trị phụ trội hoặc chiết khấu được phân bổ đều cho thời gian nắm giữ chứng khoán của Ngân hàng Nhà nước. Số chiết khấu làm tăng thu lãi từ đầu tư chứng khoán; Số phụ trội làm giảm thu lãi từ đầu tư chứng khoán.

- Nếu thu được tiền lãi từ đầu tư chứng khoán Nợ bao gồm cả khoản lãi dồn tích từ trước khi Ngân hàng Nhà nước mua lại khoản đầu tư đó, Ngân hàng Nhà nước phải phân bổ số tiền lãi này. Theo đó, chỉ có phần tiền lãi của thời gian sau khi Ngân hàng Nhà nước đã mua chứng khoán này mới được ghi nhận là thu nhập lãi, còn khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng Nhà nước mua lại khoản đầu tư đó thì ghi giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

c) Hạch toán các tài khoản cấp 3 thuộc tài khoản 211 "Đầu tư vào các chứng khoán của nước ngoài" cần phân biệt 2 trường hợp:

- **Chứng khoán sẵn sàng để bán:** là chứng khoán Nợ, được Ngân hàng Nhà nước mua với mục đích đầu tư dài hạn và sẵn sàng bán, không có ý định nắm giữ đến khi đáo hạn. Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán sẵn sàng để bán bị giảm thấp hơn giá trị ghi sổ thì lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- **Chứng khoán đầu tư giữ đến khi đáo hạn:** là các loại chứng khoán Nợ được Ngân hàng Nhà nước mua với mục đích đầu tư dài hạn và giữ cho đến ngày đáo hạn. Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị của chứng khoán giữ đến khi đáo hạn bị giảm